|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG TH VÀ THCS CHIỀNG ƠN  TỔ THCS | Họ và tên giáo viên:  Bùi Bá Tiến |

**Tiết 56: ÔN TẬP**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Ngữ văn; lớp 7**A,B**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Kiến thức trong chủ đề: Quà tặng của thiên nhiên

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

**3. Phẩm chất:**

Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b) Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c) Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức trò chơi “Ô chữ bí mật”*  *+ Chia sẻ với các bạn về từ khóa*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Hs trả lời  Từ khóa: Bảo vệ thiên nhiên |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  | **V** | **Ũ** | **B** | **Ằ** | **N** | **G** |  |  |  | **6** |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |  | **T** | **Ả** | **N** | **V** | **Ă** | **N** |  |  | **6** |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  | **L** | **Ũ** | **O** | **N** | **G** |  |  |  |  | **5** |
| **4** |  |  |  |  |  | **L** | **À** | **N** | **G** | **V** | **Ò** | **N** | **G** |  |  |  | **8** |
| **5** |  |  |  |  |  |  | **T** | **Ú** | **L** | **Ệ** |  |  |  |  |  |  | **4** |
| **6** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **T** | **Ù** | **Y** | **B** | **Ú** | **T** |  | **6** |
| **7** |  |  |  |  |  | **G** | **I** | **Ó** | **C** | **H** | **Ư** | **Ớ** | **N** | **G** |  |  | **9** |
| **8** |  |  |  |  |  | **C** | **Â** | **Y** | **D** | **I** | **S** | **Ả** | **N** |  |  |  | **8** |
| **9** |  |  |  |  |  |  |  |  | **S** | **Ê** | **N** |  |  |  |  |  | **3** |
| **10** |  |  |  |  |  | **L** | **Á** | **S** | **E** | **N** |  |  |  |  |  |  | **5** |
| **11** | **C** | **H** | **Ấ** | **T** | **T** | **R** | **Ữ** | **T** | **Ì** | **N** | **H** |  |  |  |  |  | **11** |
| **12** |  |  |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ầ** | **N** | **N** | **Ô** | **N** | **G** | **8** |
| **13** |  |  |  |  |  |  |  |  | **G** | **I** | **À** | **N** | **P** | **H** | **Ơ** | **I** | **8** |
| **14** |  |  |  |  |  |  | **C** | **H** | **I** | **Ê** | **N** |  |  |  |  |  | **5** |
| **15** |  |  |  |  |  |  | **T** | **R** | **Ù** | **N** | **G** | **K** | **H** | **Á** | **N** | **H** | **10** |

Hàng ngang 1: Tác giả của văn bản Cốm Vòng?

Hàng ngang 2: Đây là thể thoại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả…)?

Hàng ngang 3: Trong văn bản *“Mùa phơi trước sân”,* giàn phơi chuối mật thường mê dụ đối tượng nào?

Hàng ngang 4: Tên địa danh gắn liền với món cốm ở Hà Nội?

Hàng ngang 5: Tên món cốm nổi tiếng ở Yên Bái?

Hàng ngang 6: Đây là một thể trong kí, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến, đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả?

Hàng ngang 7: Tên loại gió được nhắc đến nhiều lần trong văn bản*“Mùa phơi trước sân”?*

Hàng ngang 8: Những cây thân gỗ, đa phần là cây cổ thụ, có từ lâu đời và có giá trị lớn về văn hóa, giáo dục, lịch sử, xã hội, sinh thái, du lịch... được pháp luật cũng như cộng đồng công nhận và bảo vệ được gọi là gì?

Hàng ngang 9: Từ xích (một bộ phận của xe) người miền Nam gọi là gì?

Hàng ngang 10: Người ta hay gói cốm bằng thứ gì?

Hàng ngang 11: Yếu tố được cấu tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mĩ cho người đọc được gọi là gì?

Hàng ngang 12: Điền từ còn thiếu vào câu văn: *“Cốm, một món quà trang nhã mà của… đem từ đồng quê bát ngát của tổ tiên ta lại cho ta, không thể khứng chịu được cái gì phàm tục”*

Hàng ngang 13: Hình ảnh trong văn bản *“Mùa phơi trước sân”* gợi cho nhân vật tôi nhiều cảm xúc?

Hàng ngang 14: Từ rán (một cách chế biến đồ ăn) người miền Nam gọi là gì?

Hàng ngang 15: Địa danh gắn liền với đặc sản hạt dẻ rừng?

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**HS nắm được nội dung, vấn đề đã học trong chủ đề

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ.  GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu HT   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đặc điểm | | | | Biểu hiện | Tản văn | Tùy bút | | Khái niệm |  |  | | Chất trữ tình |  |  | | Cái tôi |  |  | | Ngôn ngữ |  |  |   B2: Thực hiện nhiệm vụ.  HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và nêu lên các đặc điểm của thể loại tản văn, tùy bút đã học.  B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - GV:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, | Câu 1 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM** | | |
| **Biểu hiện** | **Tản văn** | **Tùy bút** |
| **Khái niệm** | Là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả,...), nhưng nhìn chung đều mang tính chất chấm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội | Là một thể trong ký, dùng ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến; đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống. |
| **Chất trữ tình** | Chất trữ tình của tản văn và tùy bút là yếu tố được tạo từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tạo nên rung động thẩm mỹ cho người đọc. | |
| **Cái tôi** | Cái tôi trong tản văn, tùy bút là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. Thông thường, có thể nhận biết cái tôi ấy qua các từ nhân xưng ngôi thứ nhất. | |
| **Ngôn ngữ** | Ngôn ngữ tản văn, tùy bút thường tinh tế, sống động, mang hơi thể đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình. | |

**2.2. Ôn lại các văn bản đã học:**

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ.  GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu HT  Nhóm 1,2 TH PHT số 2  Nhóm 3, 4 thực hiện PHT số 3   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Đọc lại các văn bản trong bài và điền thông tin phù hợp vào PHT số 2 | | | | | Văn bản | chủ đề | Dấu hiệu... | Tình cảm... | | Cốm vòng |  |  |  | | Mùa thu... |  |  |  | | Mùa phơi... |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | | Ghi lại cảm nhận của em về cái tôi của người viết trong văn bản theo PHT số 3 | | | Văn bản | Cảm nhận về cái tôi của người viết | | Cốm vòng |  | | Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát |  |   B2: Thực hiện nhiệm vụ.  HS đọc, thực hiện yêu cầu của bài tập,  B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:  - GV:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá về phần trả lời của bạn.  B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.  - Nhận xét thái độ làm việc của HS.  - Đánh giá sản phẩm của HS.  - Chốt kiến thức, | Câu 2, 3 |

**PHIỀU HT SỐ 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Chủ đề** | **Dấu hiệu nhận biết cái tôi của người viết** | **Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ** |
| **Cốm Vòng** | Tình cảm yêu quý, trân trọng của tác giả đối với cốm và đối với văn hóa của dân tộc, cũng như cách sống đẹp, giàu văn hóa của người Hà Nội. | Cái “tôi” của tác giả Vũ Bằng tinh tế, sâu sắc, có chiều sâu về văn hóa. | Ngôn ngữ văn bản giản dị, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình. |
| **Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát** | Tình cảm say mê, tự hào của tác giả đối với hạt dẻ, rừng dẻ và niềm mong muốn được giao hòa với thiên nhiên. | Cái “tôi” của tác giả Y Phương mộc mạc, chân chất, đồng thời lại rất nhiều kinh nghiệm sống và tính triết lí về nhân sinh. | Ngôn ngữ văn bản: sử dụng khẩu ngữ, từ láy, văn phong gợi hình, gợi cảm,… |
| **Mùa phơi sân trước** | Tình yêu thương sâu sắc đối với cảnh vật quê hương và thân phận con người. | Cái tôi của tác giả trong văn thể hiện sự tinh tế, nhạy cảm và giàu tình yêu thương, trân trọng những kỉ niệm đẹp đẽ thời ấu thơ của mình. | Ngôn ngữ giàu cảm xúc, giàu tính tạo hình kết hợp cùng giọng điệu tâm tình, thủ thỉ. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản** | **Cảm nhận về cái tôi của người viết** |
| **Cốm vòng** | Qua việc đọc văn bản, em thấy cái của nhà thơ Vũ Bằng là một cái tôi tinh tế, bay bổng, thiết tha, ông có một tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước sâu sắc, sự trân trọng và nâng niu món ăn dân dã, bình dị của người dân Việt Nam. |
| **Mùa thu của Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát** | Đọc văn bản Mùa thu về Trùng Khánh nghe hạt dẻ hát, em cảm nhận được về cái tôi của tác giả Y Phương: Đó là một cái tôi mộc mạc, chân chất, đồng thời lại rất giàu kinh nghiệm sống và triết lý về nhân sinh. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  + GV nêu câu hỏi cho HS suy nghĩ.  - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm nhóm đôi. HS trình bày sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền có ý nghĩa như thế nào? Nêu một vài ví dụ thể hiện sự khác biệt ấy.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  Bước 3: Báo cáo kết quả .  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu từng cá nhân viết vào vở những suy nghĩ của mình về những điều em cần lưu ý khi viết bài văn biểu cảm về sự việc và tóm tắt ý chính do người khác trình bày.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  Bước 3: Báo cáo kết quả .  - GV gọi 2-3 HS trình bày sản phẩn cá nhân.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  Các nhóm 1,2,3,4 Ghi lại những món quà mà thiên nhiênban tặng cho em mỗi ngày và những việc em có thể làm để giúp thiên nhiên tươi đẹp hơn? Quà tặng của thiên nhiên có ý nghĩa đối với cuộc sống của chúng ta:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Quà tặng của thiên nhiên | Việc em có thể làm để thiên nhiên tươi đẹp hơn | Ý nghĩa của quà tặng thiên nhiên đối với cuộc sống của chúng ta | | Các loài động vật |  |  | | Bãi biển đẹp |  |  | | Các địa điểm du lịch đẹp |  |  | | Các khu rừng nguyên sinh rộng lớn. |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ.  Bước 3: Báo cáo kết quả .  - GV gọi 2-3 HS trình bày sản phẩn cá nhân.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | Câu 4  - Sự khác biệt về ngôn ngữ giữa các vùng miền có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc lưu giữ bản sắc văn hóa dân tộc. Nó tạo nên sự phong phú, đa dạng khi người dùng sử dụng. Đồng thời, việc khác biệt đó cũng thể hiện rõ văn hóa đặc trưng giữa các miền trong cùng một đất nước.  - Một vài ví dụ thể hiện sử khác biệt ấy:  + Miền Bắc gọi là “ngõ”, miền Trung gọi là “kiệt”, miền Nam gọi là “hẻm”  + quả dứa: Miền Bắc (quả dứa); miền Trung (trái gai); miền Nam (trái thơm, khóm).  + bố mẹ: Miền Bắc (bố -mẹ, thầy- u); miền Trung (bọ- mạ); miền Nam (tía- má).  + ngõ: Miền Bắc gọi là “ngõ”, miền Trung gọi là “kiệt”, miền Nam gọi là “hẻm”  Câu 5  Khi viết bài văn biểu cảm về sự việc và tóm tắt ý chính do người khác trình bày, em cần lưu ý  - Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.  - Kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc bộc lộ cảm xúc.  - Bố cục đảm bảo 3 phần: Mở bài, thân bài và kết bài.  + Mở bài: giới thiệu đối tượng biểu cảm, biểu đạt cảm xúc chung về đối tượng.  + Thân bài: Biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn tiến của sự việc.  + Kết bài: khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng; rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân  Câu 6, 7 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Quà tặng của thiên nhiên | Việc em có thể làm để thiên nhiên tươi đẹp hơn | Ý nghĩa của quà tặng thiên nhiên đối với cuộc sống của chúng ta |
| Các loài động vật | Chăm sóc, yêu thương, bảo vệ các loài động vật. | - Thiên nhiên chính là một người mẹ, một người bạn thân thiết với con người.  - Thiên nhiên giúp con người sản sinh ra sự sống.  - Thiên nhiên tạo ra các nguồn tài nguyên phục vụ đời sống con người |
| Bãi biển đẹp | Không xả rác bừa bãi ra biển. |
| Các địa điểm du lịch đẹp | Quảng bá nền văn hóa với nhiều bạn bè khác. |
| Các khu rừng nguyên sinh rộng lớn. | Không chặt phá rừng, gây hại tới rừng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c)Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, trong trường hợp nào không nên sử dụng từ địa phương*  *+ Tìm đọc thêm các tản văn hoặc tùy bút và chỉ ra đặc điểm của thể loại qua văn bản đó ( có thể lấy 2 văn bản trong phụ lục)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **\*Gợi ý:** Những trường hợp nào không nên sử dụng từ địa phương  - Khi nói chuyện với người nước ngoài bằng tiếng Việt và nói chuyện với người địa phương khác đến tham quan, du lịch  - Khi viết các loại văn bản hành chính  - Khi viết các văn bản nghị luận  … |

**BÀI 5:**

**TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN BẢN THÂN**

**(Văn bản thông tin)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

**1.1. Năng lực đặc thù:**

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọccác văn bản thông tin*;* hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

**1.2. Năng lực chung:**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**2. Phẩmchất:**

***- Chăm chỉ****:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

***-Trách nhiệm****:* Có trách nhiệmvới bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV

-Tranh, ảnhliên quan đến bài học.

- Máy tính, ti vi.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**

- Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

- Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

**b. Nội dung**

- Gợi nhắc tri thức về văn bản thông tin

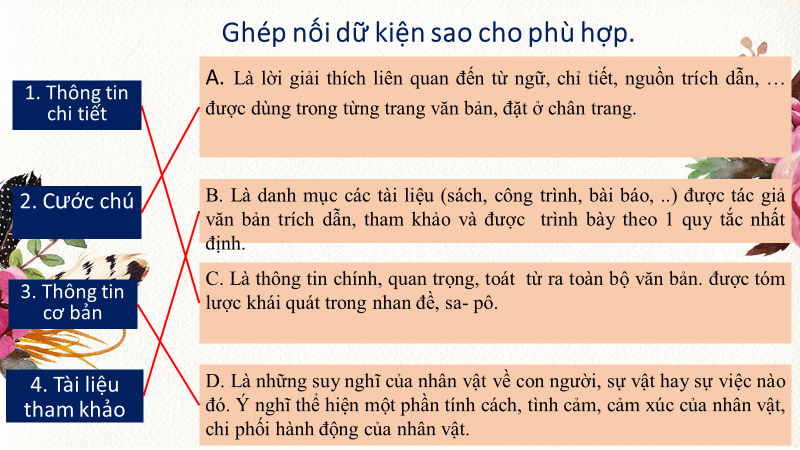
**c. Sản phẩm**

- HS nắm được sơ bộ đặc điểm VBTT.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- Yêu cầu hs ghép nối dữ kiện có trong phần tri thức Ngữ văn



**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS trả lời câu hỏi.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ với nhau về những hiểu biết của mình khi đọc xong tri thức ngữ văn

**B4. Kết luận, nhận định**

- GV nhắc lại tri thức về văn bản thông tin.

- GV cho học sinh xem video về ý nghĩa của việc đọc sách, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển bản thân

<https://www.youtube.com/watch?v=mcbnSpX9r3Q>

- GV giới thiệu văn bản 1.

Các em thân mến, trong các hoạt động như đọc sách, ghi chép, … có cần đến quy tắc, luật lệ không? Vì sao?

Khi đọc một văn bản, em thường đọc thành tiếng hay đọc thẩm và em đã bằng lòng với khả năng đọc hiểu văn bản của mình chưa nào?

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Tiết 57 + 58 + 59. Văn bản 1:**

**CHÚNG TA CÓ THỂ ĐỌC NHANH HƠN**

Môn học/Hoạt động giáo dục: Ngữ văn; lớp7

Thời gian thực hiện: Ngày 13/12/2023 7B

(số tiết: 03)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1:**  **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | | |
| **a. Mục tiêu:**  - Có nhận thức khái quát về văn bản.  **b. Nội dung**:  - Đọc và trả lời câu hỏi theo dõi. | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn cho hs đọc bài  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện cá nhân, đọc bài, theo hướng dẫn của giáo viên.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ với bạn bè hoặc người thân về những cảm nhận của mình sau khi đọc xong văn bản  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv kết luậntrên bài giảng. |  | |
| **Hoạt động 2:**  **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | | |
| 1. **Cấu trúc văn bản thông tin:** | | |
| **a. Mục tiêu**  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  **b. Nội dung:**  - HS tìm hiểu thông tin cơ bản, thông tin chi tiết, cước chú, tài liệu tham khảo của văn bản. | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv** tổ chức cho hs trả lời các câu hỏi.  **? Em hãy nhận xét về thông tin cơ bản của văn bản?**  **? Nhận xét về nhan đề, sa-pô của văn bản?**  **? Vb này liệt kê mấy phương pháp giúp đọc sách tốt hơn?**  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện cá nhân.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs ghi vào trong vở và chia sẻ câu trả lời với các bạn khác, đánh giá, nhận xét những ý kiến, chia sẻ của các bạn khác.  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv kết luận trên bài giảng | | **a. Thông tin cơ bản:**  *Nhan đề:* ngắn gọn, là kiểu câu hỏi, thể hiện nội dung chính của văn bản.  *Sa-pô* ngắn gọn gồm 2 câu văn, giới thiệu tóm tắt nội dung của văn bản là làm theo lời khuyên và hướng dẫn của tác giả Adam Khu để có thể đọc nhanh hơn và nắm bắt thông tin hiệu quả hơn.  **b. Thông tin chi tiết:**  **-** 6 đề mục nếu 6 phương pháp đọc sách  - Hinh ảnh minh hoạ 1,2,3 ở mục 2 và 3, số liệu ở mục 6  - Cước chú ở chân trang giải thích nhan đề văn bản, giải thích sự khác biệt giữa đọc thầm và đọc bằng mắt.  - Tài liệu tham khảo ở cuối văn bản trích 6 nguồn tài liệu. |
| **2. Kiểu văn bản thông tin:** | | |
| **a. Mục tiêu**  **-** Học sinh nhận biết nội dung văn bản, mục đích, ý nghĩa, bố cục của văn bản  **b. Nội dung:**  **-** Tìm hiểu nội dung văn bản thông tin, mục đích, ý nghĩa, bố cục của văn bản, | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv** tổ chức cho hs thảo luận nhóm đôi, điền vào PHT số 1  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện nhóm .  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs ghi PHT và chia sẻ câu trả lời với các bạn khác, đánh giá, nhận xét những ý kiến, chia sẻ của các bạn khác.  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv kết luận trên bài giảng | | *- Nội dung*: Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc hay luật lệ trong hoạt động ( quy tắc, cách thức nâng cao tốc độ đọc, hoạt động đọc sách).  - *Mục đích, ý nghĩa*: giúp người đọc biết phương pháp, kĩ năng đọc sách tăng hiệu quả nắm bắt thông tin, làm tiền đề cho sự thành công trong học tập và trong cuộc sống.  - *Bố cục*: Các phần, đề mục rõ ràng, các thông tin được trình bày đẩy đủ, ngắn gọn, dễ hiểu kèm theo hình ảnh minh họa cụ thể. |
| **3. Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích, giữa các thông tin trong**  **văn bản:** | | |
| **a. Mục tiêu**  **-** Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.  **b. Nội dung:**  **-** Học sinh tìm hiểu mối quan mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; Thảo luận nhóm để nhận biết vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **? Đặc điểm văn bản và mục đích có mối quan hệ như thế nào?**  **? Mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và thông tin chi tiết?**  **Gv** chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm từ 5-8 bạn. Thực hiện PHT số 2.    **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện thảo luận nhóm .  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả sản phẩm, đánh giá, nhận xét sản phẩm của nhóm khác  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv kết luận trên bài giảng | | **a. Mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích viết**  **-** Bố cục với đề mục rõ ràng, kết hợp với hình ảnh minh họa giúp tác giả truyền tải cao nhất hiệu quả của thông tin đến với người đọc, bản thân người đọc cũng sẽ năm bắt nội dung có hệ thống dễ dàng hơn.  **b. Mối quan hệ giữa thông tin chi tiết và thông tin cơ bản:**  **-**Thông tin cơ bản ngắn gọn, rõ ràng, trọng tâm. Thông tin chi tiết bậc 1 là các đề mục triển khai các ý từ thông tin cơ bản , tác giả lựa chọn 6 đề mục, là 6 phương pháp cần thiết để tăng hiệu quả đọc, từ các đề mục hình thành thông tin bậc 2 là những đoạn văn, mỗi đoạn văn có sự truyền tải thông tin bằng lời thuyết minh và bằng hình ảnh. |
| **Hoạt động 3:**  **III. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | | |
| **a. Mục tiêu:**  Hs biết cách đọc nhanh một văn bản  Nhận biết đặc điểm văn bản thông tin  **b. Nội dung:**  ? Thực hành luyện đọc theo những phương pháp mà văn bản nêu ra?  ? Tìm đặc điểm của văn bản thông tin?  **c. Sản phẩm:**  HS tự đánh giá, nhận xét quá trình và hiệu quả thực hiện, chia sẻ với những người xung quanh.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu hs về nhà đọc một số văn bản.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện tại nhà.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs chia sẻ trước lớp về quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình  **B4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét kết luận | | |

**Tiết 60 + 61. Văn bản 2:**

**CÁCH GHI CHÉP ĐỂ NẮM ĐƯỢC NỘI DUNG BÀI HỌC**

**– *DƯ GIA HUY* –**

|  |  |
| --- | --- |
| Cách để Ghi chép theo phương pháp Cornell (kèm Ảnh) – wikiHow | Phương Pháp Ghi Chép Tối Ưu Tự Học Hiệu Quả - YouTube |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***1.2. Năng lực chung:***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***1.2. Năng lực đặc thù:***

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong hoạt động; chỉ ra được đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề trong văn bản

***2. Về phẩm chất:***

***-*** Chăm chỉ rèn luyện, trau dồi các kĩ năng, biết chia sẻ kinh nghiệm của bản thân với người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Ti vi, máy tính, bảng phụ

- Các phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung**:

**- GV** Hướng dẫn học sinh thực hiện những chỉ dẫn trong phần chuẩn bị đọc ở SGK cho học sinh thực hiện. Có thể thực hiện trò chơi lật mở mảnh ghép để đi tới cách ghi chép khoa học

**- HS** giở vở và quan sát, suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:**

**-** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Chúng ta cùng lật giở vở ghi của chúng ta ra xem phần ghi chép của chúng ta đã sạch sẽ, khoa học chưa? Nội dung ghi chép có giúp em dễ hiểu và dễ ghi nhớ không? Không khoa học ở chỗ nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS** quan sát vào vở ghi thực tế của mình để đưa ra câu trả lời cho câu hỏi ở phần chuẩn bị đọc.  **GV** Gợi ý cho học sinh nếu các em còn lúng túng chưa sử dụng từ phù hợp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Mời 1 HS đại diện trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.  - cho học sinh xem một vài cách ghi khoa học  - Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.  Như các em đã biết, ngoài việc chú ý lắng nghe thì ghi chép một cách khoa học, dễ đọc, dễ hiểu và dễ ghi nhớ những gì chúng ta được học cũng rất quan trọng trong quá trình học tập và trau dồi kiến thức. Đó cũng chính là cách thức được thể hiện trong văn bản thông tin mà chúng ta sẽ cùng trải nghiệm Văn bản “Cách ghi chép để nắm nội dung bài học” của tác giả Du Gia Huy. | **HS** thảo luận trả lời câu hỏi:    Mã BMLT300 giảm 10% đơn 499K] Sách : Sổ Tay Học Tập Toán Học - Khoa Học -  Combo 2 cuốn ( 9 - 14 Tuổi ) | Shopee Việt Nam  **HS** theo dõi tranh ảnh và nêu cảm nhận. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a. Mục tiêu:**  - Giúp HS biết cách đọc văn bản.  **b. Nội dung:**  - Gv hướng dẫn HS cách đọc.  **c. Sản phẩm học tập:**  **-** HS tiếp thu kiến thức.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV  + *Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *Câu hỏi thảo luận theo nhóm ghép đôi:*  ***PHT số 1.***  *? Xuất xứ của văn bản, Phương thức biểu đạt được tác giả sử dụng trong văn bản là gì?*  *? Văn bản được chia làm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tìm hiểu trong SGK  - Làm việc theo nhóm ghép đôi 2 phút, nhận xét góp ý để hoàn thiện phần đọc, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV sửa lại cách đọc cho HS ( nếu HS đọc chưa đúng).  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức và chuyển ý sang mục sau. | - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi dự đoán, suy luận.  - HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp với văn bản. | |
| **Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi** | | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nắm được những dấu hiệu của văn bản thuyết minh giới thiệu một quy tắc hay một luật lệ, cách thức hoạt động.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  **b. Nội dung:**  - GV tổ chức cho hs tìm hiểu theo hình thức thảo luận, tìm hiểu khái niệm, phương thức biểu đạt.  **c. Sản phẩm học tập:**  **-** Câu trả lời bằng ngôn ngữ, PHT, sản phẩm trên giấy A0  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Gv tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân  *? Đoạn văn in nghiêng có vai trò như thế nào trong văn bản?*  *? Đã bao giờ em dùng các "mẹo nhỏ" này trong ghi chép chưa? nếu có thì em đã dùng mẹo nào trong các mẹo trên?*  ***PHT số 2***  *? Những dấu hiệu nào trong văn bản trên giúp em nhận ra đây là văn bản giải thích về một quy tắc hay luật lệ, cách thức trong hoạt động?*  *? Mục đích của văn bản này là gì?*  *? Xác định thông tin cơ bản của văn bản. Nhận xét về mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản trên?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Thực hiện hoạt động cá nhân,  - Thực hiện thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2  **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách xem ở phần tri thức Ngữ văn **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV** yêu cầu một vài HS trình bày qua những gì tìm hiểu được.  **HS** trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau. | **1. Giới thiệu về ghi chép:**  - Đoạn văn in nghiêng có vai trò giải thích ý nghĩa cho các thuật ngữ chính mà văn bản nhắc tới  - Tùy thuộc vào từng học sinh có kết quả khác nhau  - Văn bản có các bước hướng dẫn và các đề mục rõ ràng, có hình ảnh minh họa cụ thể.  - Văn bản trên giới thiệu những mẹo đọc liên quan đến hoạt động học tập.  - Văn bản cung cấp thông tin bổ ích và được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.  Mục đích văn bản: hướng dẫn học sinh cách ghi chép khoa học để nắm bắt thông tin văn bản nhanh nhất.  - Thông tin cơ bản của văn bản trên: hướng dẫn cách ghi chép thông tin nhanh và nắm thông tin hiệu quả.  - Nhận xét về mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích viết của văn bản:  + Đặc điểm văn bản: rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn, được chia ra làm nhiều đề mục và có hình ảnh minh họa.  + Mục đích viết văn bản: hướng dẫn học sinh cách ghi chép khoa học để nắm bắt thông tin văn bản nhanh nhất.  => Đặc điểm trình bày của văn bản và mục đích có sự gần gũi, phối hợp chặt chẽ với nhau | |
| **2. Các cách ghi chép hiệu quả** | | |
| **\*Mục tiêu**:  - Nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản  - Nắm được tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ.  -Nêu được tác dụng của các cước chú, tài liệu tham khảo  **\*Nội dung**:  **GV**Cho học sinh thảo luận để tìm ra mối quan hệ của đặc điểm với mục đích của văn bản.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: Học sinh thực hiện thảo luận nhóm ghép đôi trả lời các câu hỏi 3,4,5  *? Hình minh họa trong mục A (Phương pháp phân vùng) đã hỗ trợ như thế nào cho phần lời trong việc thể hiện thông tin cơ bản ở mục này?*  *? Việc tách riêng mỗi “mẹo nhỏ” trong ghi chép thành một đoạn riêng và đánh dấu bằng gạch đầu dòng trong mục Mẹo nhỏ giúp ghi chép để khi đọc là hiểu ngay có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin chi tiết của văn bản?*  *? Theo em, các từ ngữ, câu văn được in đậm và được đánh dấu bằng các chữ số 1,2,3,4 ở một số dòng trong mục B (Học cách tìm nội dung chính) có tác dụng gì trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản?*  - Thời gian: 15 phút  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**Quan sát văn bản trong SGK để trả lời câu hỏi  **GV** hướng dẫn HS chú ý phần 2 (đặc biệt là các đề mục, hình ảnh. )  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - các nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | **2. Các cách ghi chép hiệu quả:**  - Hình minh họa trong mục A đã giúp cho người đọc hình dung một cách cụ thể hơn, giúp phần lời được thể hiện rõ ràng hơn.  - Có tác dụng làm cho thông tin sáng rõ, dễ hiểu hơn. Từ những mẹo này, học sinh nắm bắt nhanh bài đọc và tiếp thu cách ghi chép thông tin hiệu quả nhất  - Có tác dụng nêu những nội dung chính trong việc thể hiện thông cơ bản của văn bản. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:**

**-** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:**

**-** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

**-** Bài tập đã hoàn thành của hs

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày kết quả bài tập của mình.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số

**HOẠT ĐỘNG 4:VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:**

- GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**

- Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV)**

? Hãy hướng dẫn bạn của mình làm một đồ chơi đơn giản.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**gợi ý cho HS bằng việc nêu ra một số trò chơi gấp giấy các đồ vật

đơn giản

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…